TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/12//2021
V/*v: Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- T**hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy; Bà Lê Thị Lan Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1963; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: B, A, N, Hải Dương; Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Vũ Ngọc T1**, sinh năm 1961; ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: B, A, N, Hải Dương; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 14/4/1986 tại UBND xã A, N, Hải Dương. Sau khi kết hôn ông bà chung sống ở B, A, N, Hải Dương, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Bắt đầu từ năm 2019 khi ông T1 tham gia hệ thống bán hàng đa cấp, ông T1 thường xuyên chửi bới, xúc phạm, lăng mạ bà. Ông T1 ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh đập bà. Thôn B và tổ chức đoàn thể tại thôn đã nhiều lần tổ chức hoà giải nhưng nhưng ông bà vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Chiều ngày 12/9/2021 (âm lịch) ông T1 đánh bà nên bà phải về nhà bố mẹ đẻ sống. Đến nay bà xác định mâu thuẫn của ông bà

đã trầm trọng không thể khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Toà án án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 03 con chung là Vũ Ngọc H, sinh ngày 02/11/1986; Vũ Thị H1, sinh ngày 30/5/1989; Vũ Thảo N, 15/10/1993. Hiện nay các con chung đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết:

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T1 sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bị đơn ông Vũ Ngọc T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã A năm 1986. Sau khi kết hôn ông bà chung sống ở B, A, N, Hải Dương, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T thường xuyên đi làm về muộn, không chăm lo cho chồng, khi ông nhắc nhở thì bà T lại chửi bới, xúc phạm ông. Năm 2019 ông chuyển đổi công việc và tham gia hệ thống bán hàng đa cấp, công việc bận có lúc phải vệ muộn, bà T không cảm thông mà ghi ngờ, ghen tuông, chửi bới, xúc phạm ông. Bà T không biết cách ứng xử đối với bố mẹ và anh chị em ông. Những lúc gia đình có công việc chung bà T không bao giờ tham gia, thậm chí khi bố ông bị ốm phải nằm viện điều trị bà T cũng không thăm nom chăm sóc, không làm tròn bổ phận của người con dâu. Những lúc vợ chồng cãi nhau bà T nói láo, ông nóng tính có chửi lại bà T chứ không đánh bà T. Chính quyền, đoàn thể của thôn B đã nhiều lần hoà giải động viên nhưng ông bà vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Ngày 14/9/2021 (âm lịch) bà T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, sau đó ông có sang nói chuyện với mẹ đẻ của bà T để khuyên bảo bà T về nhà nhưng cho đến nay bà T vẫn không về. Nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý vì ông bà đã lớn tuổi phải giữ gìn thể diện cho các con.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Vũ Ngọc H, sinh ngày 02/11/1986; Vũ Thị H1, sinh ngày 30/5/1989; Vũ Thảo N, 15/10/1993. Hiện nay các con chung đã trưởng thành không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết:

Về tài sản chung, nợ chung*:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã A, Trưởng thôn B: Bà T, ông T1 kết hôn từ năm 1986 và chung sống với nhau ở B, A, N, Hải Dương. Từ khoảng năm 2017 trở về đây ông T1, bà T hay xẩy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Thôn B và các tổ chức đoàn thể của thôn đã nhiều tổ chức hoà giải mâu thuẫn cho ông T1, bà T1 nhưng sau đó ông bà vẫn không khắc phục. Về con chung: Ông T1, bà T có 3 con chung là

Vũ Ngọc H, sinh ngày 02/11/1986, Vũ Thị H1, sinh ngày 30/5/1989, Vũ Thảo N, 15/10/1993, hiện nay các con chung của ông bà đã trên 18 tuổi không có nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T1 vì xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông T1 giữ nguyên các quan điểm đã trình bày và không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà T vẫn cương quyết xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho bà T ly hôn ông T1; Về án phí: bà T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T, ông Vũ Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/04/1986 tại UBND xã A, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày từ năm 2019 bà và ông T1 thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông T1 ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập bà. Ông T1 trình bày vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T thường xuyên đi làm về muộn, không chăm lo cho chồng, không biết cách đối xử với bố mẹ chồng, khi ông nhắc nhờ thì bà T lại chửi bới, xúc phạm ông. Mặc dù lời khai của bà T, ông T1 về nguyên nhân dẫn mâu thuẫn của vợ chồng có khác nhau nhưng đều thừa nhận về mâu thuẫn. Do đó có đủ căn cứ các xác định từ năm 2017 bà T, ông T1 xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Thôn B và tổ chức đoàn thể của thôn đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng ông T1, bà T vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Toà án đã tiến hành hoà

giải nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn ông T1, ông T1 không đồng ý ly hôn, đề nghị giải quyết theo quy định nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của bà T, ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho bà T ly hôn ông T1.

[2] Về quan hệ con chung: Bà T, ông T1 có 03 con chung là Vũ Ngọc H, sinh ngày 02/11/1986; Vũ Thị H1, sinh ngày 30/5/1989; Vũ Thảo N, sinh ngày 15/10/1993. Hiện nay các con chung của ông bà đều đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông T1 không yêu cầu giải quyết

[4] Về án phí: Bà T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho bà Phạm Thị T ly hôn ông Vũ Ngọc T1.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2020/0003516 ngày 12 tháng 10 năm 2021.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- THA DS huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy